

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 170/2024/DS-ST

Ngày: 19-9-2024.

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Dục.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh;
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2024/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2024/QĐXXST-DS ngày 26/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 1297/2024/QĐST-DS ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Sokmyot N - Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Kanokwatpaisal N1- Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-SVN ngày 15/11/2023. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Quốc D, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ I, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay do ông Lê Hoàng L đại diện trình bày:

Ngày 26/4/2023 Công ty TNHH S1 (đổi tên thành Công ty Cổ phần S Có Ngay) và ông Bùi Quốc D ký Hợp đồng cầm cố số TZM230401017NA22X, theo đó tài sản cầm cố là xe mô tô Honda hai bánh Air Blade biển số 60F4-350.71, thời hạn cầm cố

06 tháng kể từ ngày 26/4/2023 đến 21/10/2023; giá trị tài sản cầm cố là 12.870.000 đồng; số tiền cầm cố là 9.900.000 đồng; lãi suất trong hạn là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phí quản lý hồ sơ 0.5%/tháng; phạt vi phạm 8% giá trị phân nghĩa vụ bị vi phạm.

Ngày 26/4/2023, Công ty TNHH S1 (đổi tên thành Công ty Cổ phần S Có Ngay) và ông Bùi Quốc D ký Giấy mượn lại xe, thời hạn mượn là 30 ngày từ ngày 26/4/2023 đến 26/5/2023; phí bảo dưỡng và hao mòn xe 297.000 đồng/tháng; phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố 1.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 26/8/2023 ông Bùi Quốc D đã thanh toán số tiền 6.452.000 đồng bao gồm: tiền gốc 4.832.162 đồng, tiền lãi: 287.801 đồng, phí mượn xe: 149.934 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe 1.089.000 đồng, lãi quá hạn 93.102 đồng, sau đó thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại đơn khởi kiện, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Quốc D phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 02/01/2024 là 6.800.678 đồng gồm: Nợ gốc 5.067.837 đồng, nợ lãi trong hạn 162.728 đồng, phí mượn xe 891.000 đồng, phí phạt vi phạm 679.111 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S Có Ngay rút một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp với ông Bùi Quốc D đối với số tiền phí mượn xe là 594.000 đồng và số tiền phí phạt vi phạm ký hạn trả nợ là 679.111 đồng.

Bị đơn ông Bùi Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay, buộc ông D phải thanh toán số tiền tính đến ngày 19/9/2024 là 5.987.969 đồng; trong đó: nợ gốc là 5.067.837 đồng; lãi trong hạn là 98.389 đồng; lãi quá hạn là 796.136 đồng; P mượn lại xe là 25.607 đồng và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 20/9/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay tranh chấp với ông Bùi Quốc D đối với số tiền phí mượn xe là 594.000 đồng và số tiền phí phạt vi phạm ký hạn trả nợ là 679.111 đồng. Đối với số tiền này, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí ông D phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ cầm cố tài sản; bị đơn ông **Bùi Quốc D** có địa chỉ cư trú tại **tổ I, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện ông **Bùi Quốc D** thanh toán tiền nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh trong hợp đồng cầm cố tài sản. Căn cứ Điều 314 Bộ luật Dân sự 2015, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản”.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Ngày 26/4/2023 **Công ty TNHH S1** (đổi tên thành **Công ty Cổ phần S** Có Ngay) và ông **Bùi Quốc D** ký Hợp đồng cầm cố số TzM230401017NA22X và Giấy mượn lại xe là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về cầm cố tài sản và lãi suất, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Ông **D** đã cầm cố xe mô tô Honda hai bánh Air Blade biển số 60F4-350.71 và đã nhận đủ số tiền cầm cố là 9.900.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 26/8/2023 ông **Bùi Quốc D** đã thanh toán số tiền 6.452.000 đồng bao gồm: tiền gốc 4.832.162 đồng, tiền lãi: 287.801 đồng, phí mượn xe: 149.934 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe 1.089.000 đồng, lãi quá hạn 93.102 đồng, sau đó thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của **Công ty Cổ phần S** Có Ngay buộc ông **Bùi Quốc D** phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và phí mượn là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông **Bùi Quốc D** có trách nhiệm trả cho **Công ty Cổ phần S** Có Ngay số tiền tính đến ngày 19/9/2024 là 5.987.969 đồng; trong đó: nợ gốc là 5.067.837 đồng; lãi trong hạn là 98.389 đồng; lãi quá hạn là 796.136 đồng; phí mượn lại xe là 25.607 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 20/9/2024, ông **Bùi Quốc D** còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản số TzM230401017NA22X ngày 26/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Đối với tài sản cầm cố là xe mô tô Honda hai bánh Air Blade biển số 60F4-350.71 được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, **Công ty Cổ phần S** Có Ngay đã giao xe cho ông **D1** theo Giấy mượn xe ngày 26/04/2023, nhưng không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.2] Đối với việc **Công ty Cổ phần S** Có Ngay rút yêu cầu khởi kiện ông **Bùi Quốc D** về số tiền phí mượn xe là 594.000 đồng và số tiền phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ là 679.111 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự

nguyên, không bị ép buộc, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn. Đối với số tiền này, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314, Điều 496, Điều 499 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty Cổ phần S** Có Ngay đối với ông **Bùi Quốc D** về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

- Buộc **Bùi Quốc D** phải thanh toán cho **Công ty Cổ phần S** Tiền Có Ngay số tiền tính đến ngày 19/9/2024 là 5.987.969 (năm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi chín) đồng; trong đó: nợ gốc là 5.067.837 (năm triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bảy) đồng; lãi trong hạn là 98.389 (chín mươi tám nghìn ba trăm tám mươi chín) đồng; lãi quá hạn là 796.136 (bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm ba mươi sáu) đồng; phí mượn lại xe là 25.607 (hai mươi lăm nghìn sáu trăm linh bảy) đồng.

- Kể từ ngày 20/9/2024, ông **Bùi Quốc D** còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản số TzM230401017NA22X ngày 26/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty Cổ phần S** Có Ngay tranh chấp với ông **Bùi Quốc D** đối với số tiền phí mượn xe là 594.000 (năm trăm chín mươi tư nghìn) đồng và số tiền phí phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ là 679.111 (sáu trăm bảy mươi chín nghìn một trăm mười một) đồng. Đối với số tiền này, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông **Bùi Quốc D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho **Công ty Cổ phần S** Có Ngay số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003233 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: **Công ty Cổ phần S** Có Ngay và ông **Bùi Quốc D** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được